

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÀI GÒN HÒA XA**

Số: *11* /CBTT-SHX

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa

Trụ sở chính: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.38377660 Fax: 08.38369031

Người thực hiện công bố thông tin: Tăng Thị Minh Tân

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0908 667 400, 08.38210996

Fax: 08.38369031

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: *Báo cáo thường niên năm 2016.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày *07* tháng *4* năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin



Tăng Thị Minh Tân

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA
Năm báo cáo: 2016**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300481625
- Vốn điều lệ: 17.200.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 17.200.000.000 đồng
- Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 84-8-38377660
- Số fax: 84-8-38369031
- Website: www.saigonhoaxa.com.vn
- Mã cổ phiếu: SHX

2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 14/04/1976, Tổng cục trưởng Tổng cục Giao thông Vận tải Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ký Quyết định số 249/VP thành lập Công ty Phục vụ Đường sắt Sài Gòn.

Ngày 20/03/1989, theo Quyết định số 231/ĐS-TC của Tổng cục Đường sắt Việt Nam, đổi tên Công ty thành Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn.

Ngày 05/04/1993, Bộ Giao thông Vận tải ra quyết định số 605/QĐ/TCCB-LĐ thành lập doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn.

Ngày 15/4/2004, Bộ Giao thông Vận tải đã có quyết định thành lập doanh nghiệp số 990/QĐ- Bộ Giao thông Vận tải chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn, đơn vị thành viên của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành Công ty cổ phần.

Ngày 04/01/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003015 cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn.

Ngày 16/5/2005, Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn đổi tên thành Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa.

Ngày 05/10/2015, Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 6298/UBCK-QLPH ngày 05/10/2015 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 26/01/2016, Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán lần đầu – mã SHX.

Ngày 11/10/2016, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa lần đầu giao dịch trên sàn UPCoM.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Thương mại
- Địa bàn kinh doanh: TP. Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị: Công ty áp dụng mô hình có Ban kiểm soát

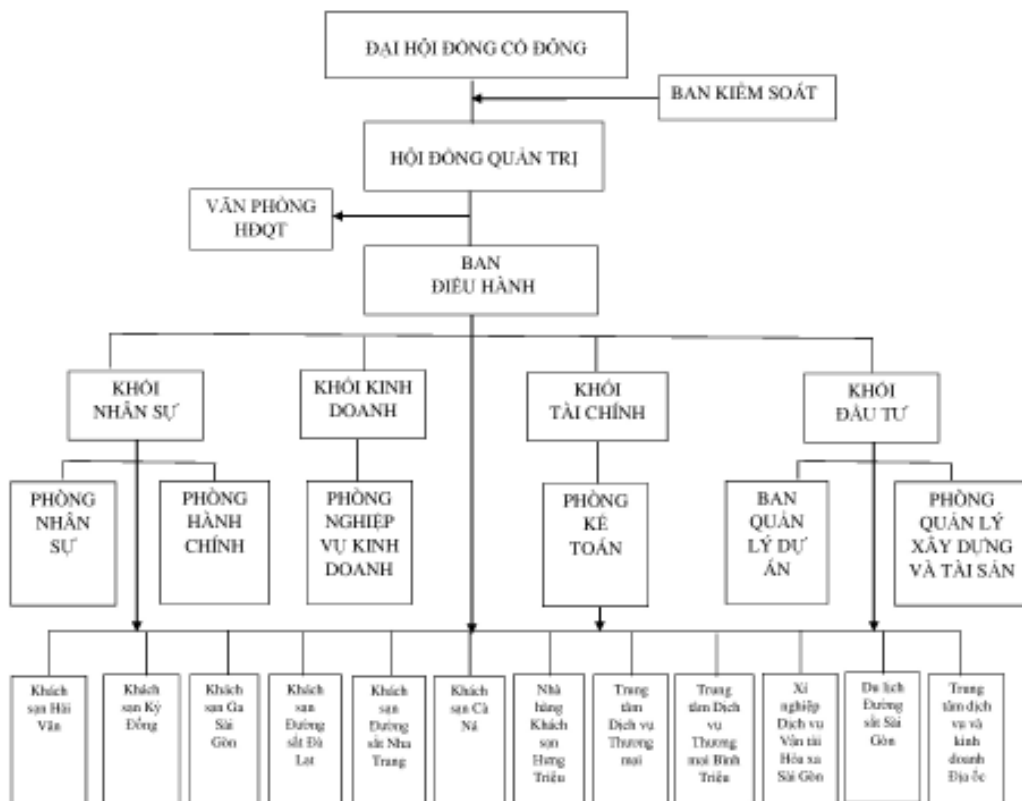
- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Gồm tất cả các cổ đông (CĐ) có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- Hội đồng quản trị (HĐQT): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

- Ban kiểm soát (BKS): Là tổ chức thay mặt CĐ giám sát HĐQT, Tổng giám đốc (TGD) trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- Ban điều hành (BDH): gồm TGD và các giám đốc khối nghiệp vụ, được HĐQT bổ nhiệm.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty:



c. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phân đầu là một doanh nghiệp lớn mạnh, hoạt động đa ngành với phạm vi trong và ngoài nước, có chất lượng sản phẩm cao, lợi nhuận của

Công ty và thu nhập của người lao động ổn định và tăng trưởng mạnh, khẳng định được uy tín và thương hiệu trên thị trường; có đội ngũ lãnh đạo, quản lý và nhân viên đạt trình độ cao về điều hành, quản trị, tay nghề và tính chuyên nghiệp, luôn phù hợp với thực tế thị trường và sự phát triển Công ty; ứng dụng sâu rộng khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin trong các mặt hoạt động và coi công nghệ thông tin là phương tiện đòn bẩy trong quản trị kinh doanh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Đưa các hoạt động kinh doanh sẵn có phát triển lớn mạnh về doanh thu, lợi nhuận và chất lượng phục vụ, chủ yếu gồm các lĩnh vực kinh doanh: thương mại, khách sạn - nhà hàng, lữ hành nội địa và quốc tế, dịch vụ vận tải; mở rộng các loại hình hoạt động mới đi liền với việc nâng cao uy tín, thương hiệu và hiệu quả của các sản phẩm với phương thức chọn thời kỳ, chọn địa bàn trọng tâm, trọng điểm; mở rộng hoạt động đầu tư chiều rộng và chiều sâu để tăng thêm cơ sở kinh doanh và nâng cao năng lực khai thác tài sản, nghiên cứu kỹ chủ trương đầu tư để cân đối được nguồn vốn và tính hiệu quả lâu dài; chú trọng chất lượng những dự án hoặc công trình đầu tư xây dựng cơ bản.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Luôn tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh của Công ty; tăng cường diện tích có cây xanh bao phủ tại các cơ sở kinh doanh của Công ty; đảm bảo trách nhiệm chia sẻ khó khăn với cộng đồng xã hội luôn hài hòa với sự phát triển của Công ty bằng các hoạt động như hỗ trợ người dân chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt, đóng góp cho quỹ hỗ trợ người nghèo của địa phương...

5. Các rủi ro:

- Lãi suất và lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí, khi tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí tài chính, từ đó dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty sẽ giảm sút.

- Tình hình chính trị trong khu vực không ổn định, những tranh chấp trên Biển Đông tác động trực tiếp với hoạt động kinh doanh lữ hành, dịch vụ du lịch của Công ty do thị trường chính của mảng lữ hành của Công ty là Trung Quốc.

- Mảng kinh doanh thuốc lá chịu ảnh hưởng lớn về chính sách do là ngành không được khuyến khích, không được quảng cáo, bị cảnh báo trên bao bì sản phẩm và phải cạnh tranh không công bằng với vắn napan thuốc lá lậu lan tràn - thách thức lâu dài với sự quản lý Nhà nước.

- Xu hướng tăng của nhiệt độ trái đất, sự khai thác quá mức về môi trường, cảnh quan dẫn tới cảnh quan thiên nhiên bị ảnh hưởng trầm trọng, làm giảm sự hấp dẫn đối với du khách, là điều bất lợi cho kinh doanh du lịch.

- Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động SXKD của Công ty. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

| | |
|----------------------------|------------------|
| - Doanh thu | 861.217.623.153đ |
| - Lợi nhuận trước thuế | 3.561.224.709đ |
| - Lợi nhuận sau thuế | 2.228.637.214đ |
| - Lợi nhuận/cổ phiếu (EPS) | 1.360đ/cp |

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2016 (đồng) | Thực hiện 2015 (đồng) | Thực hiện 2016 (đồng) | Ghi chú |
|----------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------|---------|
| Doanh thu | 809.671.000.000 | 837.199.465.066 | 861.217.623.153 | |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.000.000.000 | 1.942.773.734 | 3.561.224.709 | |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.600.000.000 | 1.321.522.965 | 2.228.637.214 | |

Doanh thu toàn Công ty năm 2016 bằng 106,37% so với kế hoạch và bằng 102,87% so với thực hiện năm 2015. Doanh thu một số hoạt động kinh doanh tăng so với năm 2015 như doanh thu bán hàng thuốc lá bằng 105,7%, doanh thu từ hoạt động nhà hàng bằng 129,11% (tăng chủ yếu từ Nhà hàng Cà Ná và Nhà hàng số 2 – Chi nhánh Trung tâm dịch vụ thương mại Bình Triệu - mới đi vào hoạt động từ 01/07/2016). Tuy nhiên doanh thu một số hoạt động kinh doanh khác còn thấp so với kế hoạch như: doanh thu bán vé máy bay, doanh thu vận tải, doanh thu khách sạn, doanh thu dịch vụ massage, doanh thu dịch vụ du lịch. Sự cố sập cầu Ghềnh đã ảnh hưởng rất lớn đến kinh doanh vận tải, du lịch của Công ty. Việc kinh doanh dịch vụ lưu trú gặp nhiều khó khăn khi các đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú của Công ty do đã khai thác lâu năm nên xuống cấp trầm trọng trong khi ngày càng có nhiều cơ sở kinh doanh khách sạn mới mở ra với trang thiết bị hiện đại, giá cả cạnh tranh. Du lịch bằng đường sắt là thế mạnh trong lãnh vực du lịch của Công ty cũng không còn thịnh hành như trước khi du lịch bằng các phương tiện lưu thông khác ngày càng phát triển và tiện lợi.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

| Stt | Thành viên BDH | Tóm tắt lý lịch | Tỷ lệ sở hữu CP |
|-----|--|---|-----------------|
| 1 | Ông Trần Văn Đường - Tổng giám đốc | - Năm sinh: 1956 - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: Kinh doanh - Quá trình công tác: + 1987-2005: Công tác tại Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn + 2005 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa | 0,32% |
| 2 | Bà Tăng Thị Minh Tân – Giám đốc Nhân sự | - Năm sinh: 1961 - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh - Quá trình công tác: + 1994 – 2004: Công tác tại Công ty Dịch | 1,84% |

| | | | |
|---|---|--|----------|
| | | vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn + 2005 – nay: Công tác tại Công ty CP Sài Gòn Hỏa xa | |
| 3 | Ông Nguyễn Minh Đức – Kế toán trưởng | - Năm sinh: 1968 - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế. - Quá trình công tác: + 2002 – 2004: Công tác tại Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn + 2005 – nay: Công tác tại Công ty CP Sài Gòn Hỏa xa | 0,00058% |
| 4 | Bà Trần Thiên Kim – Giám đốc Đầu tư | - Năm sinh: 1993 - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Tài chính - Quá trình công tác: + Từ 2015 – nay: Công tác tại Công ty CP Sài Gòn Hỏa xa. | 31,52% |

- Những thay đổi trong BDH:

* Ngày 01/4/2016: Ông Trần Văn Đường, chức danh: Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Đầu tư nghỉ hưu;

* Ngày 01/4/2016: Tái bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc đối với ông Trần Văn Đường;

* Ngày 01/12/2016: Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Nhân sự với bà Tăng Thị Minh Tân;

* Ngày 01/12/2016: Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Đầu tư với bà Trần Thiên Kim

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 226 người.

- Chính sách đối với người lao động:

Thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động, các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Thay đổi chính sách với người lao động: Không có.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

Đvt: đồng

| Chỉ tiêu | 2015 | 2016 | % tăng giảm |
|----------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 208.220.512.307 | 223.249.758.023 | 7,22 |

| | | | |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|--------|
| Doanh thu thuần | 837.199.465.066 | 861.217.623.153 | 2,87 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 965.970.073 | 468.076.624 | -51,54 |
| Lợi nhuận khác | 976.803.661 | 3.093.148.085 | 216,66 |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.942.773.734 | 3.561.224.709 | 83,31 |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.321.522.965 | 2.338.637.214 | 76,97 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 0 | 0 | 0% |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | 2015 | 2016 | Ghi chú |
|---|------|------|---------|
| KHẢ NĂNG THANH TOÁN | | | |
| Tỷ số thanh toán hiện hành (Tài sản (TS) ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | 1,4 | 1,2 | |
| Tỷ số thanh toán nhanh ((TS Ngắn hạn - Tồn kho) / Nợ ngắn hạn) | 1,0 | 0,8 | |
| CƠ CẤU VỐN | | | |
| Tỷ số đảm bảo nợ (Tổng nợ phải trả/Vốn CSH) | 7,9 | 7,7 | |
| Tỷ số nợ (Tổng nợ / Tổng TS) | 0,9 | 0,9 | |
| NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG | | | |
| Vòng quay tồn kho (Giá vốn hàng bán/Tồn kho BQ) | 12,6 | 13,6 | |
| Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng TS BQ) | 4,0 | 4,0 | |
| KHẢ NĂNG SINH LỜI | | | |
| ROS (Lợi nhuận (LN) sau thuế/Doanh thu thuần) | 0,16 | 0,27 | |
| ROE (LN sau thuế /Vốn CSH BQ) | 5,80 | 9,55 | |
| ROA (LN sau thuế/Tổng TS BQ) | 0,63 | 1,08 | |
| Hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | 0,12 | 0,05 | |

5. Cơ cấu CD, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần (CP)

- Tổng số CP đang lưu hành: 1.720.000 CP.
- Loại CP đang lưu hành: CP phổ thông.
- Số CP chuyển nhượng tự do: 1.125.680 CP.
- Số CP bị hạn chế theo Điều lệ: 594.320 CP.

b. Cơ cấu cổ đông:

| Chỉ tiêu | Số lượng CD | Số lượng CP | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------------|-------------|-------------|-----------|
| Tổng số CP của Công ty | | 1.720.000 | 100 |
| 1. Theo tỷ lệ sở hữu | | | |
| - CD lớn | 6 | 1.558.170 | 90,59 |
| - CD nhỏ | 125 | 161.830 | 9,41 |

| | | | |
|-------------------------------|-----|-----------|-------|
| 2. Theo loại hình CĐ | | | |
| - CĐ tổ chức | 1 | 500.000 | 29,07 |
| - CĐ cá nhân | 130 | 1.220.000 | 70,93 |
| 3. Theo khu vực địa lý | | | |
| - CĐ trong nước | 131 | 1.720.000 | 100 |
| - CĐ nước ngoài | 0 | 0 | 0 |
| 4. Theo tiêu chí khác | | | |
| - CĐ nhà nước | 0 | 0 | 0 |
| - CĐ khác | 131 | 1.720.000 | 100 |

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Kể từ khi chuyển thành công ty cổ phần, Công ty chưa phát hành thêm bất kỳ cổ phiếu nào.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ và Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2016.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 3.464.477.992đ

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 972.894kwh

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Các công ty cấp nước của tỉnh, thành nơi Công ty có cơ sở kinh doanh;

- Lượng nước sử dụng: 29.461m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 02 lần.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 53.900.000đ.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động: 226 người;
- Mức lương trung bình: 6.100.000đ/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động như: Khám sức khỏe định kỳ, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm...;

- Người lao động làm việc tại công ty, ngoài chế độ tiền lương còn được hưởng đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, trợ cấp ốm đau thai sản theo luật định;

- Người lao động còn được quan tâm chăm sóc sức khỏe tinh thần như mừng sinh nhật, chia sẻ các hiếu hỉ của gia đình...

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Không xác định được vì năm 2016 Công ty thực hiện việc đào tạo tại chỗ, người lao động cũ hướng dẫn, kèm cặp, đào tạo người lao động mới;

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không có.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

- Công ty hỗ trợ quỹ vì người nghèo của chính quyền sở tại;

- Đảm bảo vệ sinh tại cơ sở kinh doanh, không làm ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/BĐH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

*. Kinh doanh lưu trú

Công ty hiện có 6 chi nhánh đang trực tiếp kinh doanh lưu trú trong đó có 01 đơn vị kinh doanh theo hình thức bao tiêu là Khách sạn Ga Sài Gòn (chuyên phục vụ cho nhân viên công tác trên tàu của ngành đường sắt), phân bố tại các trung tâm du lịch – TP.HCM, Đà Lạt, Cà Ná... Những đơn vị này có thâm niên khá lâu (từ trước thời điểm cổ phần hóa), một số đạt tiêu chuẩn xếp sao như Khách sạn Hải Vân, Khách sạn Kỳ Đồng đạt 2 sao, Khách sạn Cà Ná đạt 1 sao, số còn lại đủ tiêu chuẩn phục vụ khách lưu trú thậm chí 2 Khách sạn Hưng Triệu và Khách sạn Ga Sài Gòn theo quy định của TP.HCM phải xếp hạng là phòng cho thuê chứ không được xếp vào hàng khách sạn. Năm 2016 được nhìn nhận có đầu tư sửa chữa lớn để nâng cấp khối kinh doanh lưu trú: Khách sạn Kỳ Đồng, Khách sạn Ga Sài Gòn, Khách sạn Cà Ná song kết quả kinh doanh chưa cao.

*. Kinh doanh nhà hàng

Công ty có 2 đơn vị kinh doanh nhà hàng là Khách sạn Hải Vân và Khách sạn Cà Ná. Từ tháng 5 năm 2016, bộ phận nhà hàng ở Khách sạn Hải Vân chuyển sang kinh doanh karaoke và từ tháng 5 năm 2016 Công ty chính thức chỉ còn Khách sạn Cà Ná kinh doanh nhà hàng với đối tượng phục vụ là khách của các công ty du lịch, tập trung vào bữa trưa và lượng

khách Nga của 2 đơn vị chuyên doanh là Pegas và Anex trên hành trình Nha Trang – Mũi Né với dịch vụ sử dụng gồm ăn nhẹ, giải khát. Lượng khách phục vụ đông vào những ngày cuối tuần, đặc biệt là lễ, tết, hè. Kinh doanh nhà hàng cũng là hoạt động đem lại nguồn thu chính cho khách sạn, giải quyết việc làm cho hơn 20 lao động. Cũng chính kinh doanh nhà hàng từ lâu đã tạo nên thương hiệu cho Khách sạn Cà Ná.

**. Kinh doanh dịch vụ*

Từ tháng 5, khi nhà hàng Hải Vân chuyển sang kinh doanh karaoke thì hoạt động kinh doanh dịch vụ của công ty trở nên đa dạng: massage, karaoke và từ tháng 8/2016 có thêm dịch vụ giải khát khi quán cà phê tại Bình Triệu chính thức đi vào hoạt động. Dịch vụ massage vẫn tiếp tục khẳng định là loại hình kinh doanh hiệu quả. Bộ phận kinh doanh giải khát dù doanh thu chưa cao song bước đầu đem lại sinh khí và sự mới mẻ cho hoạt động kinh doanh chung toàn Công ty.

**. Thương mại*

Liên tục nhiều năm, kinh doanh thương mại với chủ lực là bán buôn thuốc lá điều chiếm tỉ trọng chính trong doanh thu toàn Công ty. Địa bàn hoạt động gần khắp các tỉnh Trung và Nam Bộ từ Quảng Bình đổ vào. Sau sự biến động – sụt giảm mạnh vào năm 2014 do ảnh hưởng từ chính sách hạn chế tiêu dùng của nhà nước – in hình ảnh cảnh báo trên vỏ bao thuốc làm nhu cầu tiêu thụ giảm cùng với việc điều chỉnh thuế...sang năm 2015 và 2016 dần lấy lại thị trường và đạt sự tăng trưởng ổn định vào năm 2016. Kết quả này phản ánh kinh doanh thương mại đã chính thức ổn định và đạt hiệu quả cao.

**. Vận tải hàng hóa*

Sau những tín hiệu tích cực – giá nhiên liệu giảm sâu năm 2015, sang 2016 có dấu hiệu tăng trở lại, ảnh hưởng tới chính sách giá cước – không thể giảm để thu hút khách hàng cùng với sự cố sập cầu Ghềnh làm gián đoạn lưu thông đường sắt gần 3 tháng làm lượng hàng vận chuyển giảm, chi phí cao, nhiều khách hàng bỏ, tìm phương tiện khác. Những bất lợi đó làm kết quả kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đạt không cao.

**. Du lịch*

Từ 1989, chính du lịch đã tạo nên thương hiệu và nâng tầm Công ty dẫn đầu kinh doanh trong toàn ngành đường sắt. Tuy nhiên, từ 2015, thị trường kinh doanh du lịch bắt đầu có dấu hiệu thu hẹp. Nhiều tour đặc thù như những tour nội địa gắn với đường sắt nay không còn là thế mạnh nữa dẫn tới kết quả kinh doanh không đạt.

**. Cho thuê tài sản trên đất.*

Hiện Công ty có 4 cụm tài sản trên đất đang cho đối tác thuê kinh doanh: văn hóa phẩm, ăn uống, massage, điện máy. Nguồn thu tương đối ổn định đối với các đối tác thuê tài sản trên đất.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2016 tăng 7,22% so với năm 2015, đồng thời trong năm Công ty sử dụng tài sản cũng hiệu quả hơn so với năm trước (Hiệu suất sử dụng tài sản năm 2016 tăng so với 2015).

Nợ phải thu năm cuối 2016 giảm so 13,59% với năm cuối năm 2015. Năm 2016 Công ty đã hoàn nhập dự phòng phải thu 338.108.000 đồng và hiện nay các khách hàng này cam kết tiếp tục trả dần khoảng nợ còn lại. Tỷ số thanh toán hiện hành năm 2016 là 1,2 lần có giảm so với năm 2015, tuy nhiên Công ty vẫn có khả năng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn.

Hàng tồn kho năm 2016 tăng 38,13% so với năm 2015, chủ yếu tăng tồn kho mặt hàng thuốc lá. Cuối năm 2016, Công ty dự trữ mặt hàng này chuẩn bị cho việc kinh doanh năm 2017.

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả khách hàng trong năm 2016 không có nhiều biến động so với năm 2015. Tuy nhiên nợ phải trả cuối năm 2016 tăng 6,86 % so với cuối năm 2015 là do các khoản nợ vay tăng. Vốn chủ sở hữu có hạn nên Công ty đã sử dụng các nguồn vốn vay ngân hàng và vay cá nhân để phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Trong năm Công ty chuyển trả cho khách hàng, trả vốn vay và lãi đúng hạn, không có trường hợp nào phải trễ hạn thanh toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Một số ngành nghề đã và đang khẳng định sự phát triển đúng hướng, có hiệu quả cao và ổn định sẽ tiếp tục được ưu tiên đầu tư: Khách sạn, nhà hàng, thương mại.

- Cho thuê tài sản trên đất để khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai.

- Song song với phát triển, Công ty tiếp tục lưu ý đặc biệt tới công tác môi trường, đảm bảo sự trong sạch, lành mạnh, phù hợp xu thế chung của xã hội.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Nỗ lực thực hiện công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo việc kinh doanh hài hòa với môi trường và xã hội, cụ thể:

- Đầu tư các trạm xử lý nước thải để đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường;

- Duy trì, chăm sóc các diện tích cây xanh đã tồn tại, mở rộng các khu vực trồng cây xanh;

- Tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ công nhân viên thực hiện công tác xanh sạch đẹp tại các cơ sở kinh doanh và nơi sinh sống, sinh hoạt;

- Tắt bớt các thiết bị điện khi không sử dụng; thường xuyên kiểm tra các thiết bị nước tránh tình trạng rò rỉ lãng phí.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công tác an toàn vệ sinh lao động luôn được Công ty quan tâm. Hàng năm Công ty có tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;

- Công ty tham gia đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, trợ cấp ốm đau thai sản theo luật định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty tuân thủ các quy định của chính quyền địa phương, đảm bảo các cơ sở kinh doanh không gây ô nhiễm làm ảnh hưởng tới môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe người dân xung quanh;

- Hỗ trợ tài chính cho chính quyền địa phương chăm lo cho người có hoàn cảnh khó khăn.

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Kết quả kinh doanh năm 2016 đạt kết quả tốt thể hiện qua việc thực hiện vượt chỉ tiêu về doanh thu 6,36% và đạt mức tăng trưởng 2,86%. Các hoạt động kinh doanh như vận tải, dịch vụ, cho thuê tài sản trên đất nhìn chung hoàn thành kế hoạch song mức tăng trưởng thấp do không có sự biến động nhiều về nhu cầu của xã hội, lại gặp sự cạnh tranh lớn, phức tạp. Dịch vụ, lưu trú, lữ hành đạt hiệu quả không cao.

Công ty cùng chung sức với chính quyền địa phương chăm lo cho những người có hoàn cảnh khó khăn.

Công ty thực hiện tốt việc tuyên truyền về môi trường cho các cán bộ công nhân viên. Các cơ sở kinh doanh đảm bảo được vệ sinh môi trường, góp phần tạo sự an toàn, thoải mái cho khách hàng, không làm ảnh hưởng tới cộng đồng xung quanh. Công ty duy trì và mở rộng việc trồng cây xanh, tạo cảnh quan tại các cơ sở kinh doanh, góp phần tạo nên điểm thu hút khách. Các chi nhánh và văn phòng Công ty đều thực hiện việc tắt bớt các thiết bị điện khi không sử dụng, thường xuyên kiểm tra hệ thống nước để tránh tình trạng rò rỉ, gây lãng phí, làm cạn kiệt tài nguyên.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc/BĐH Công ty.

Trong năm 2016, TGD và các cán bộ quản lý trong BĐH đã điều hành linh hoạt hoạt động kinh doanh phù hợp với chủ trương của HĐQT. Các chủ trương của HĐQT được cán bộ quản lý triển khai và báo cáo kịp thời.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

a. Những chỉ tiêu kế hoạch năm 2017

*. Kế hoạch SXKD:

| Stt | Chỉ tiêu | Kế hoạch | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------|---------|
| 1 | Doanh thu | 840.481.701.000đ | |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 3.000.000.000đ | |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 2.400.000.000đ | |

*. Kế hoạch đầu tư, sửa chữa:

| Stt | Danh mục | Kinh phí | Ghi chú |
|-----|---|----------------|---------|
| 1 | Cải tạo, sửa chữa Khách sạn Hải Vân | 218.000.000đ | |
| 2 | Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 20m ³ /ngày tại Khách sạn Ga Sài Gòn | 300.000.000đ | |
| 3 | Xây dựng hệ thống xử lý nước thải 25m ³ /ngày tại Khách sạn Kỳ Đồng | 400.000.000đ | |
| 4 | Cải tạo, sửa chữa Biệt thự 7, 9, 9C, 10 tại Khách sạn Đường sắt Đà Lạt | 1.028.920.000đ | |
| 5 | Mở rộng Nhà hàng Cà Ná Quán tại Khách sạn Cà Ná | 3.289.000.000đ | |
| 6 | Sửa chữa Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu | 100.000.000đ | |

| | | | |
|---|---|--|--|
| 7 | Mua mới 01 xe tải chở hàng tại Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn | 400.000.000đ | |
| 8 | Mua kho và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với nhà kho tại số 20/6 Võ Văn Kiệt, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.Hồ Chí Minh | Chưa có giá từ phía Công ty Kho bãi TP.HCM | |

b. Định hướng:

Chú trọng những ngành nghề kinh doanh sau: Khách sạn, vận tải, thương mại và dịch vụ. Những ngành nghề góp phần tạo nên thương hiệu như khách sạn, vận tải được ưu tiên đầu tư lớn. Hoạt động dịch vụ, trong đó nổi lên mô hình cho thuê tài sản trên đất là hình thức kinh doanh có hiệu quả cao, tận dụng tốt tiềm năng đất đai, đồng thời ổn định cho chiến lược dài hạn với những quân hệ hợp tác lâu dài.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: (đính kèm)
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Trần Thiên Kim

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 14 - 36 |
| 8. Phụ lục | 37 - 39 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn theo Quyết định số 990/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 04 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300481625, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 26 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-8) 38 367 660
- Fax : (84-8) 38 369 031

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| Khách sạn Hải Vân | 69 Huỳnh Thúc Kháng, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |
| Khách sạn Kỳ Đồng | 10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |
| Du lịch Đường sắt Sài Gòn | 10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |
| Trung tâm Dịch vụ và Kinh doanh Địa ốc | 310/4B Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |
| Khách sạn Ga Sài Gòn | 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |
| Khách sạn Đường sắt Nha Trang | 17 Thái Nguyên, phường Phước Tân, TP. Nha Trang |
| Khách sạn Cà Ná | Xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận |
| Khách sạn Đường sắt Đà Lạt | 01 Quang Trung, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |
| Trung tâm Dịch vụ Thương mại | 20/6 Võ văn Kiệt, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |
| Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu | 146/33 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |
| Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn | 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |
| Trung tâm Dịch vụ và Thương mại Bình Triệu | 310/4B Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường ô tô, đường sắt.
- Giáo dục mầm non và tiểu học.
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.
- Giáo dục nghề nghiệp.
- Đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học.
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật, thể thao và giải trí.
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.
- Trồng rau đậu, các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hoá đường biển và hàng không, vé máy bay và tàu hỏa.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.
- Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác: dịch vụ xoa bóp.
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Mua bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, thiết bị xây dựng công trình – xếp dỡ; nông sản, lâm sản, thủy sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và tiêu dùng, rượu bia và nước giải khát.
- Đại lý kinh doanh xăng dầu.
- Kinh doanh nhà, dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng, cho thuê nhà, xưởng. Kinh doanh doanh bất động sản.
- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, vận tải hàng hóa bằng đường thủy.
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.
- Nuôi thủy sản.
- Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Dịch vụ chăm sóc đa mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu).
- Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến.
- Chế biến nông sản.
- Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ).
- Dịch vụ karaoke (không kinh doanh tại trụ sở).
- Bán buôn sắt, thép; tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------------|
| Bà Trần Thiên Kim | Chủ tịch | Ngày 21 tháng 01 năm 2016 |
| Ông Trần Văn Đường | Thành viên | Ngày 14 tháng 5 năm 2015 |
| Bà Lưu Thị Lê | Thành viên | Ngày 14 tháng 5 năm 2015 |
| Bà Tăng Thị Minh Tân | Thành viên | Ngày 14 tháng 5 năm 2015 |
| Bà Trương Ái Liễu | Thành viên | Ngày 14 tháng 5 năm 2015 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|------------|--------------------------|
| Bà Huỳnh Thị Đào | Trưởng ban | Ngày 01 tháng 7 năm 2015 |
| Bà Lữ Thị Tiến | Thành viên | Ngày 14 tháng 5 năm 2015 |
| Lê Nguyễn Thanh Tuấn | Thành viên | Ngày 14 tháng 5 năm 2015 |

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Trần Văn Đường (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2016).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Thiên Kim - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2016).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty:



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Thiên Kim
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 18 tháng 3 năm 2017





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0251/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2017, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2017

5300
C
I CHI
M T
A
3/17

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 192.261.829.641 | 173.059.029.681 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 25.683.411.138 | 9.906.748.760 |
| 1. Tiền | 111 | | 25.683.411.138 | 9.906.748.760 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 94.916.819.890 | 109.840.813.137 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 94.593.518.626 | 106.228.010.122 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3a | 1.205.890.399 | 1.333.857.942 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 237.302.865 | 3.736.945.073 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (1.119.892.000) | (1.458.000.000) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 70.453.425.174 | 51.004.101.800 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 70.453.425.174 | 51.004.101.800 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.208.173.439 | 2.307.365.984 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 1.188.673.819 | 811.791.228 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 1.178.250.466 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | 19.499.620 | 317.324.290 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

149

NG
HIỆM
AN V.
&
T.P1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 30.987.928.382 | 35.161.482.626 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 835.839.242 | 5.637.437.235 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | V.3b | 30.000.000 | 4.869.021.989 |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 805.839.242 | 768.415.246 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 15.380.936.008 | 10.300.394.069 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 15.380.936.008 | 10.300.394.069 |
| - Nguyên giá | 222 | | 43.933.926.588 | 36.308.101.512 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (28.552.990.580) | (26.007.707.443) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 252.023.800 | 252.023.800 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (252.023.800) | (252.023.800) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.9 | 2.041.352.845 | 4.480.258.647 |
| - Nguyên giá | 231 | | 4.857.009.067 | 7.625.708.214 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (2.815.656.222) | (3.145.449.567) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 3.374.205.289 | 5.436.633.938 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 3.374.205.289 | 5.436.633.938 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 1.903.673.555 | 1.903.673.555 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.11 | 1.903.673.555 | 1.903.673.555 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 7.451.921.443 | 7.403.085.182 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 7.451.921.443 | 7.403.085.182 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 223.249.758.023 | 208.220.512.307 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 197.596.349.177 | 184.905.740.675 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 162.099.731.367 | 125.299.331.162 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12a,c | 51.620.189.982 | 50.770.120.871 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 166.728.748 | 264.693.716 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 1.244.912.064 | 384.513.520 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | - | - |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | 499.800.000 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a,c | 898.714.308 | 1.589.191.790 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16a,c | 107.962.000.000 | 71.398.750.000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 207.186.265 | 392.261.265 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 35.496.617.810 | 59.606.409.513 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.12b,c | 179.610.000 | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.14 | 1.401.496.522 | 1.660.216.522 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b,c | 1.936.351.288 | 6.418.072.991 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.16b,c | 31.979.160.000 | 51.528.120.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 25.653.408.846 | 23.314.771.632 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 25.653.408.846 | 23.314.771.632 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.18 | 17.200.000.000 | 17.200.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 17.200.000.000 | 17.200.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.18 | 6.089.074.999 | 12.603.865.779 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.18 | 2.364.333.847 | (6.489.094.147) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 25.696.633 | (6.489.094.147) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 2.338.637.214 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 223.249.758.023 | 208.220.512.307 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2017


Lương Ngọc Liên
Người lập


Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng


Trần Việt Đường
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 861.217.623.153 | 837.199.465.066 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 861.217.623.153 | 837.199.465.066 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 827.633.130.549 | 807.212.393.439 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 33.584.492.604 | 29.987.071.627 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 23.636.810 | 61.775.667 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 10.690.406.152 | 9.713.389.374 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 10.686.449.672 | 9.713.389.374 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 11.855.439.140 | 7.595.766.184 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 10.594.207.498 | 11.773.721.663 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 468.076.624 | 965.970.073 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 3.174.914.667 | 1.092.151.530 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 81.766.582 | 115.347.869 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 3.093.148.085 | 976.803.661 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 3.561.224.709 | 1.942.773.734 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | 1.222.587.495 | 621.250.769 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>2.338.637.214</u> | <u>1.321.522.965</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | <u>1.360</u> | <u>768</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | <u>1.360</u> | <u>768</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2017


Lương Ngọc Liên
Người lậpNguyễn Minh Đức
Kế toán trưởngTrần Vi Đường
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 958.890.978.159 | 898.049.148.037 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (921.351.582.894) | (848.690.217.555) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (17.801.464.638) | (16.950.476.480) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (11.113.618.157) | (9.164.317.834) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | V.13 | (525.478.723) | (1.053.824.982) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 14.594.114.199 | 9.811.926.205 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (20.642.381.301) | (22.767.566.478) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 2.050.566.645 | 9.234.670.913 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (3.311.831.077) | (3.755.875.648) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 22.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 852.563.740 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.3 | 22.713.084 | 36.079.034 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (3.289.117.993) | (2.845.232.874) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------|------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.16 | 718.889.000.000 | 679.819.785.480 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.16 | (701.874.710.000) | (682.878.798.443) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (365.540) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 17.014.290.000 | (3.059.378.503) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 15.775.738.652 | 3.330.059.536 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 9.906.748.760 | 6.572.555.407 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 923.726 | 4.133.817 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | | 25.683.411.138 | 9.906.748.760 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2017

Lương Ngọc Liên
Người lập

Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng

Trần VI Đường
Tổng Giám đốc

15
TY
QUY
TÀI
C
ĐỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÓA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sài Gòn Hóa Xa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vận tải và dịch vụ du lịch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| Khách sạn Hải Vân | 69 Huỳnh Thúc Kháng, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |
| Khách sạn Kỳ Đồng | 10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |
| Du lịch Đường sắt Sài Gòn | 10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |
| Trung tâm Dịch vụ và Kinh doanh địa ốc | 310/4B Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |
| Khách sạn Ga Sài Gòn | 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |
| Khách sạn Đường sắt Nha Trang | 17 Thái Nguyên, phường Phước Tân, TP. Nha Trang |
| Khách sạn Cà Ná | Xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận |
| Khách sạn Đường sắt Đà Lạt | 01 Quang Trung, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |
| Trung tâm Dịch vụ Thương mại | 20/6 Võ văn Kiệt, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh |
| Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu | 146/33 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |
| Xi nghiệp Dịch vụ Vận tải Hóa xa Sài Gòn | 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |
| Trung tâm Dịch vụ và Thương mại Bình Triệu | 310/4B Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 226 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 257 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

ĐƯỢC
C
CH
M T
G

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí đền bù. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí đền bù

Chi phí đền bù thể hiện khoản tiền đã trả để có được phần đất Công ty đang sử dụng và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng đất (50 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 04 – 28 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 04 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà | 11 - 25 |

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 2.278.487.994 | 3.593.309.955 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 23.404.923.144 | 6.313.438.805 |
| Cộng | <u>25.683.411.138</u> | <u>9.906.748.760</u> |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Thanh Tâm | 29.667.155.152 | 44.545.662.773 |
| Doanh nghiệp tư nhân Tiến Đạt | 17.607.660.519 | 3.956.404.306 |
| Các khách hàng khác | 47.318.702.955 | 57.725.943.043 |
| Cộng | <u>94.593.518.626</u> | <u>106.228.010.122</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn

3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| China Southern Airlines - Phương Nam | 25.735.699 | 326.676.442 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xây dựng Kiến Long | - | 388.400.000 |
| Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn | - | 54.200.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang | - | 230.614.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.180.154.700 | 333.967.500 |
| Cộng | <u>1.205.890.399</u> | <u>1.333.857.942</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3b. Trả trước cho người bán dài hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|--------------------|----------|-------------------|----------------------|
| Bà Đồng Thị Hồng | - | - | - | 4.425.000.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T.C.D | - | - | - | 206.494.989 |
| Các nhà cung cấp khác | 30.000.000 | - | - | 237.527.000 |
| Cộng | 30.000.000 | - | - | 4.869.021.989 |

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|--------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | - | - | 332.781.975 | - |
| Thành viên Hội đồng quản trị - Tiền bù lỗ nhận khoản kinh doanh | - | - | 332.781.975 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 237.302.865 | - | 3.404.163.098 | - |
| Tạm ứng | 18.950.935 | - | - | - |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 650.000 | - | - | - |
| Bà Đồng Thị Hồng - tiền lãi do ứng trước tiền đất | - | - | 3.304.139.300 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 217.701.930 | - | 100.023.798 | - |
| Cộng | 237.302.865 | - | 3.736.945.073 | - |

4b. Phải thu dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Các khoản ký cược, ký quỹ | 567.310.000 | - | 444.312.704 | - |
| Thuế GTGT tạm nộp cho hoạt động cho thuê đất | 140.149.652 | - | 166.021.652 | - |
| Các khoản phải thu dài hạn khác | 98.379.590 | - | 158.080.890 | - |
| Cộng | 805.839.242 | - | 768.415.246 | - |

5. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | <u>Số cuối năm</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|------------------------------|--------------------|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|----------------|
| | | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị có thể thu hồi</u> | | <u>Thời gian quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u> |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Lâm Kim Ngọc | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 1.040.324.621 | 312.097.621 | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 1.980.324.621 | 980.324.621 |
| DNTN Long An | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | Từ 02 năm đến dưới 3 năm | 142.509.024 | 42.753.024 | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 362.509.024 | 180.509.024 |
| Ông Phạm Đức Minh. | | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|--------------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Thời gian quá hạn | Giá gốc |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | Từ 02 năm đến dưới 3 năm | 412.012.759 | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 552.012.759 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang | | | | |
| <i>Phải thu tiền ứng</i> | | - | Trên 02 năm | 230.614.000 |
| Cộng | | 1.594.846.404 | | 3.125.460.404 |
| | | 120.103.759 | | 276.012.759 |
| | | | | 230.614.000 |
| | | | | 1.667.460.404 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.458.000.000 | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 1.458.000.000 |
| Hoàn nhập dự phòng | (338.108.000) | - |
| Số cuối năm | 1.119.892.000 | 1.458.000.000 |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 548.542.855 | - | 53.401.073 | - |
| Công cụ, dụng cụ | - | - | 3.600.000 | - |
| Hàng hóa | 69.904.882.319 | - | 50.947.100.727 | - |
| Cộng | 70.453.425.174 | - | 51.004.101.800 | - |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 36.290.000 | 40.660.000 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 1.152.383.819 | 771.131.228 |
| Cộng | 1.188.673.819 | 811.791.228 |

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí đền bù | 5.804.145.700 | 5.928.519.700 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.351.893.203 | 886.068.767 |
| Chi phí duy tu, sửa chữa | 216.365.039 | 444.058.242 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 79.517.501 | 144.438.473 |
| Cộng | 7.451.921.443 | 7.403.085.182 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 32.140.269.769 | 750.373.162 | 3.228.999.620 | 188.458.961 | 36.308.101.512 |
| Mua trong năm | 359.173.000 | 416.681.818 | - | - | 775.854.818 |
| Đầu tư XD CB hoàn thành | 4.125.538.161 | - | - | - | 4.125.538.161 |
| Chuyển từ bất động sản đầu tư sang | 2.768.699.147 | - | - | - | 2.768.699.147 |
| Thanh lý, nhượng bán | (44.267.050) | - | - | - | (44.267.050) |
| Số cuối năm | 39.349.413.027 | 1.167.054.980 | 3.228.999.620 | 188.458.961 | 43.933.926.588 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 12.998.177.283 | 701.713.162 | 782.357.431 | 188.458.961 | 14.670.706.837 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 22.369.242.889 | 726.193.162 | 2.735.257.431 | 177.013.961 | 26.007.707.443 |
| Khấu hao trong năm | 1.550.791.442 | 58.140.000 | 312.000.000 | 11.445.000 | 1.932.376.442 |
| Chuyển từ bất động sản đầu tư sang | 657.173.745 | - | - | - | 657.173.745 |
| Thanh lý, nhượng bán | (44.267.050) | - | - | - | (44.267.050) |
| Số cuối năm | 24.532.941.026 | 784.333.162 | 3.047.257.431 | 188.458.961 | 28.552.990.580 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 9.771.026.880 | 24.180.000 | 493.742.189 | 11.445.000 | 10.300.394.069 |
| Số cuối năm | 14.816.472.001 | 382.721.818 | 181.742.189 | - | 15.380.936.008 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 14.816.472.001 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

9. Bất động sản đầu tư

9a. Bất động sản đầu tư cho thuê

| | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 7.625.708.214 | 3.145.449.567 | 4.480.258.647 |
| Tăng trong năm | - | 327.380.400 | - |
| Giảm trong năm | (2.768.699.147) | (657.173.745) | - |
| Số cuối năm | 4.857.009.067 | 2.815.656.222 | 2.041.352.845 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|--|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Hội trường - Khách sạn Đà Lạt | 82.383.592 | 82.383.592 | - |
| Biệt thự số 09 B - Khách sạn Đà Lạt | 190.825.451 | 157.228.000 | 33.597.451 |
| Nhà hàng Thăng Cảnh - Khách sạn Đà Lạt | 325.291.491 | 317.187.000 | 8.104.491 |
| Nhà dịch vụ 9C - Khách sạn Đà Lạt | 719.697.811 | 200.534.655 | 519.163.156 |
| Biệt thự số 11 - Khách sạn Đà Lạt | 330.322.975 | 330.322.975 | - |
| Nhà sách Phương Nam - Nha Trang | 2.920.487.747 | 1.646.400.000 | 1.274.087.747 |
| Quán Hello Coffee - Nha Trang | 288.000.000 | 81.600.000 | 206.400.000 |
| Cộng | 4.857.009.067 | 2.815.656.222 | 2.041.352.845 |

Toàn bộ bất động sản đầu tư có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.041.352.845 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u> | <u>Kết chuyển giảm khác</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---|----------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 120.000.000 | 296.681.818 | (416.681.818) | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 5.316.633.938 | 2.984.240.432 | (4.125.538.161) | (801.130.920) | 3.374.205.289 |
| Công trình Khách sạn, Nhà hàng Bình Triệu | 4.100.116.029 | 2.439.214.987 | (4.125.538.161) | (268.894.233) | 2.144.898.622 |
| Kê đá làm bãi xe Nhà hàng Cà Ná Quán - Khách sạn Cà Ná | - | 457.752.718 | - | - | 457.752.718 |
| Chi phí thiết kế Khách sạn Nha Trang | 630.245.767 | - | - | - | 630.245.767 |
| Chi phí thiết kế, hàng rào cho khu đất mua tại Phú Quốc | 532.236.687 | - | - | (532.236.687) | - |
| Chi phí khác | 54.035.455 | 87.272.727 | - | - | 141.308.182 |
| Cộng | 5.436.633.938 | 3.280.922.250 | (4.542.219.979) | (801.130.920) | 3.374.205.289 |

11. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty đã đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khách sạn Hải Vân Nam.

12. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn | 48.258.188.646 | 46.929.588.646 |
| Các nhà cung cấp khác | 3.362.001.336 | 3.840.532.225 |
| Cộng | 51.620.189.982 | 50.770.120.871 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**12b. Phải trả người bán dài hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Việt Tín Thành | 82.610.000 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại T.C.D | 97.000.000 | - |
| Cộng | 179.610.000 | - |

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Hàng hải và Đầu tư Công nghiệp Vinashin | 25.000.000 | 25.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dạy nghề Trung Nam Việt | 12.024.285 | 12.024.285 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Hàng hải Hà Nội | 200.500.000 | 200.500.000 |
| Công ty TNHH Vận tải biển Vinafeo | 50.400.000 | 50.400.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Cơ khí Tân Thanh | 27.341.500 | 27.341.500 |
| Công ty TNHH Nội thất Tây Cửu Long | 45.125.200 | 45.125.200 |
| Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải và Thương mại Đường sắt phía Nam | 606.070.000 | 606.070.000 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Vĩnh Lộc Phát | 77.327.360 | 77.327.360 |
| Khách vãng lai | 1.031.069 | 1.031.069 |
| Cộng | 1.044.819.414 | 1.044.819.414 |

Các khoản nợ này liên quan đến vụ kiện tranh chấp nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động của ông Lê Hạnh, Giám đốc trước đây của Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong năm</u> | | <u>Số cuối năm</u> | |
|----------------------------|--------------------|--------------------|-------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 140.795.350 | 6.468.000 | 1.212.488.685 | (939.074.485) | 407.741.550 | - |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 131.513.012 | - | 2.031.068.847 | (1.973.348.017) | 189.233.842 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 226.679.847 | 1.222.587.495 | (525.478.723) | 473.609.013 | 3.180.088 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 112.205.158 | - | 535.646.528 | (473.524.027) | 174.327.659 | - |
| Thuế nhà đất | - | 13.540.540 | 18.582.694 | (5.042.154) | - | - |
| Tiền thuế đất | - | 70.635.903 | 3.075.972.425 | (3.021.656.054) | - | 16.319.532 |
| Các loại thuế khác | - | - | 15.000.000 | (15.000.000) | - | - |
| Cộng | 384.513.520 | 317.324.290 | 8.111.346.674 | (6.953.123.460) | 1.244.912.064 | 19.499.620 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh mát xa với thuế suất 30%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.561.224.709 | 1.942.773.734 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 2.404.525.131 | 789.422.735 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (923.726) | (25.696.633) |
| Thu nhập tính thuế | 5.964.826.114 | 2.706.499.836 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.192.965.223 | 595.429.964 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | 29.622.272 | 25.820.805 |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 1.222.587.495 | 621.250.769 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

| Vị trí đất | <u>VND/m²</u> |
|--|--------------------------|
| - 69 Huỳnh Thúc Kháng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 976.800 |
| - 10 D Ký Đồng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh | 1.408.000 |
| - 1A Nguyễn Thông, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh | 528.000 |
| - 310/4B quốc lộ 13, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh | 86.400 |
| - 146/33 Kha Vạn Cân, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh | 29.376 |
| - 156/3 Kha Vạn Cân, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh | 32.720 |
| - Phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh | 96.600 |
| - Khách sạn Cà Ná - Ninh Thuận | 8.250 |
| - Nhà hàng Cà Ná quán - Ninh Thuận | 8.250 |
| - 01 Quang Trung, TP. Đà Lạt | 61.716 |
| - 17 Thái Nguyên, TP. Nha Trang | 112.500 |
| - 132 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 618.764 |
| - 132 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 190.791 |
| - 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 2.252.800 |

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Khoản tiền thuê tài sản nhận trước của Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam.

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | 15.330.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị - Lãi nhận ký quỹ | - | 15.330.000 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 898.714.308 | 1.573.861.790 |
| Tiền tạm mượn các cá nhân | 842.000.000 | 1.530.050.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 56.714.308 | 43.811.790 |
| Cộng | <u>898.714.308</u> | <u>1.589.191.790</u> |

15b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | 5.000.000.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị - Nhận tiền hợp tác kinh doanh | - | 5.000.000.000 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 1.936.351.288 | 1.418.072.991 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 828.707.360 | 828.707.360 |
| Các khoản phải trả dài hạn khác | 1.107.643.928 | 589.365.631 |
| Cộng | <u>1.936.351.288</u> | <u>6.418.072.991</u> |

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | 2.600.000.000 | - |
| Vay các thành viên Hội đồng quản trị và các cá nhân liên quan khác | 2.600.000.000 | - |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 105.362.000.000 | 71.398.750.000 |
| Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽¹⁾ | 59.334.000.000 | 70.550.000.000 |
| Vay Ông Nguyễn Phát | - | 848.750.000 |
| Vay cá nhân khác | 46.028.000.000 | - |
| Cộng | <u>107.962.000.000</u> | <u>71.398.750.000</u> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.8 và V.9) và tài sản cá nhân của Ông Trần Văn Đường là nhà ở tại số 996 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh và đất thổ cư tại Chợ Lớn, Xóm Củi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ | | Số cuối năm |
|----------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|------------------------------|------------------------|
| | | | vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | |
| Vay ngắn hạn ngắn hạn hàng | 70.550.000.000 | 680.088.000.000 | - | (691.304.000.000) | 59.334.000.000 |
| Vay ngắn hạn cá nhân | 848.750.000 | 37.963.000.000 | 16.758.000.000 | (6.941.750.000) | 48.628.000.000 |
| Cộng | 71.398.750.000 | 718.051.000.000 | 16.758.000.000 | (698.245.750.000) | 107.962.000.000 |

16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Vay các thành viên Hội đồng quản trị và các cá nhân liên quan khác | 26.990.000.000 | 29.887.000.000 |
| Vay các cá nhân và tổ chức khác | 4.989.160.000 | 21.641.120.000 |
| Cộng | 31.979.160.000 | 51.528.120.000 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0,71%/tháng kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 (trước ngày 01 tháng 3 năm 2016 là 0,75%), thời hạn vay 60 tháng. Các khoản nợ vay này được gia hạn khi đáo hạn trừ có những thỏa thuận khác phát sinh.

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

| | |
|------------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 51.528.120.000 |
| Số tiền vay phát sinh | 838.000.000 |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (16.758.000.000) |
| Số tiền vay đã trả | (3.607.000.000) |
| Cần trừ tiền cho thuê tài sản | (21.960.000) |
| Số cuối năm | 31.979.160.000 |

16c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng | 176.485.183 | (94.250.000) | 82.235.183 |
| Quỹ phúc lợi | 214.951.082 | (90.825.000) | 124.126.082 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 825.000 | - | 825.000 |
| Cộng | 392.261.265 | (185.075.000) | 207.186.265 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 17.200.000.000 | 10.837.346.396 | (5.756.525.729) | 22.280.820.667 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 1.321.522.965 | 1.321.522.965 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | 1.766.519.383 | (2.054.091.383) | (287.572.000) |
| Số dư cuối năm trước | 17.200.000.000 | 12.603.865.779 | (6.489.094.147) | 23.314.771.632 |
| Số dư đầu năm nay | 17.200.000.000 | 12.603.865.779 | (6.489.094.147) | 23.314.771.632 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 2.338.637.214 | 2.338.637.214 |
| Chuyển Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | - | (6.514.790.780) | 6.514.790.780 | - |
| Số dư cuối năm nay | 17.200.000.000 | 6.089.074.999 | 2.364.333.847 | 25.653.408.846 |

18b. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.720.000 | 1.720.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 1.720.000 | 1.720.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.720.000 | 1.720.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 1.720.000 | 1.720.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.720.000 | 1.720.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chuyển Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 01 tháng 4 năm 2016 với số tiền là 6.514.790.780 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**19a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 2.740.632.278 | 2.083.285.716 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 10.962.529.112 | 8.333.142.864 |
| Trên 05 năm | 71.110.146.852 | 57.294.087.774 |
| Cộng | 84.813.308.242 | 67.710.516.354 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 482 m² đất tại 69 Huỳnh Thúc Kháng, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 976.800 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 19 tháng 3 năm 2007.
- Tổng số tiền thuê 404,4 m² đất tại 10D Kỳ Đồng, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 1.408.800 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 42 năm tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2004.
- Tổng số tiền thuê 6.374,4 m² đất tại 310/4B Quốc lộ 13, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 86.400 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 30 tháng 5 năm 2009.
- Tổng số tiền thuê 278 m² đất tại 146/33 Kha Vạn Cân, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 29.376 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 14 năm tính từ ngày 17 tháng 5 năm 2006.
- Tổng số tiền thuê 3.100 m² đất tại Phường Bình Chiểu, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 96.600 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 28 tháng 8 năm 2013.
- Tổng số tiền thuê 7.697 m² đất tại tỉnh Ninh Thuận với giá thuê là 8.250 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 20 năm tính từ ngày 05 tháng 4 năm 2007.
- Tổng số tiền thuê 2.190 m² đất tại tỉnh Ninh Thuận với giá thuê là 8.250 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 31 tháng 3 năm 2006.
- Tổng số tiền thuê 6.943 m² đất tại số 01, đường Quang Trung, TP. Đà Lạt với giá thuê là 61.716 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 30 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 1996.
- Tổng số tiền thuê 1.573,23 m² đất tại số 17, đường Thái Nguyên, TP. Nha Trang với giá thuê là 112.500 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 40 năm tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2006.
- Tổng số tiền thuê 68,8 m² đất tại 275C Phạm Ngũ Lão, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 2.252.800 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 15 năm tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Giá tiền thuê đất của các hợp đồng thuê đất nêu trên được tính theo đơn giá thuê đang áp dụng cho năm 2016 và có thể thay đổi hoặc điều chỉnh trong tương lai theo chính sách của Nhà nước.

19b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 3.818,63 USD (số đầu năm là 3.832,93 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 797.247.709.975 | 754.080.858.778 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 61.683.283.178 | 80.786.626.288 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư ⁽¹⁾ | 2.286.630.000 | 2.331.980.000 |
| Cộng | 861.217.623.153 | 837.199.465.066 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | | |
|---|------------------------|------------------------|
| 10) Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau: | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư | 2.286.630.000 | 2.331.980.000 |
| Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê | 327.380.400 | 475.872.000 |
| Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư | 1.959.249.600 | 1.856.108.000 |
| 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan | | |
| Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan. | | |
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 769.854.534.646 | 731.110.941.907 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 57.451.215.503 | 75.625.579.532 |
| Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư | 327.380.400 | 475.872.000 |
| Cộng | 827.633.130.549 | 807.212.393.439 |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi, cho vay | 22.713.084 | 36.079.034 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 923.726 | 25.696.633 |
| Cộng | 23.636.810 | 61.775.667 |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 10.686.449.672 | 9.713.389.374 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 3.956.480 | - |
| Cộng | 10.690.406.152 | 9.713.389.374 |
| 5. Chi phí bán hàng | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 6.850.957.078 | 4.801.603.947 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 150.478.091 | 127.251.955 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 568.752.343 | 216.878.002 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 637.824.000 | 233.504.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.515.503.280 | 2.000.370.256 |
| Các chi phí khác | 1.131.924.348 | 216.158.024 |
| Cộng | 11.855.439.140 | 7.595.766.184 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁĐịa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 4.234.328.723 | 3.728.208.223 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 111.439.647 | 187.670.327 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 68.019.872 | 239.391.232 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 55.941.000 | 80.596.000 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.104.575.426 | 2.923.722.034 |
| Dự phòng/ (Hoàn nhập) phải thu khó đòi | (338.108.000) | 1.458.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 676.694.254 | 680.518.782 |
| Các chi phí khác | 2.681.316.576 | 2.475.615.065 |
| Cộng | <u>10.594.207.498</u> | <u>11.773.721.663</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Thu nhập từ tiền hỗ trợ | 714.892.890 | 336.000.000 |
| Tiền bồi thường | - | 33.636.364 |
| Thu nhập khác | 2.460.021.777 | 722.515.166 |
| Cộng | <u>3.174.914.667</u> | <u>1.092.151.530</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|--------------------------|---------------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 7.000.000 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 71.291.182 | 22.215.204 |
| Chi phí khác | 10.475.400 | 86.132.665 |
| Cộng | <u>81.766.582</u> | <u>115.347.869</u> |

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.338.637.214 | 1.321.522.965 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát | - | - |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 2.338.637.214 | 1.321.522.965 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 1.720.000 | 1.720.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.360</u> | <u>768</u> |

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 6.438.631.900 | 7.139.308.247 |
| Chi phí nhân công | 21.516.004.721 | 20.896.282.732 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.259.756.842 | 2.066.183.226 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 46.300.527.058 | 60.914.623.757 |
| Chi phí khác | 7.250.565.932 | 8.393.890.974 |
| Cộng | <u>83.765.486.453</u> | <u>99.410.288.936</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 2.389.105.000 | 1.522.227.276 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 9.594.578.688 | 6.964.110.102 |
| Trên 05 năm | 7.424.638.207 | 7.460.489.255 |
| Cộng | <u>19.408.321.895</u> | <u>15.946.826.633</u> |

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị các thành viên Ban điều hành và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Các thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Vay dài hạn | - | 3.750.000.000 |
| Lãi vay | 1.311.448.000 | 1.478.262.300 |
| Lãi tiền ký quỹ | - | 15.330.000 |
| Các cá nhân có liên quan khác | | |
| Vay dài hạn | - | 14.790.000.000 |
| Lãi vay | 1.726.453.300 | 1.248.230.000 |

Cam kết bảo lãnh

Ông Trần Văn Đường dùng nhà và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.16).



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.15 và V.16.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc | 1.095.347.824 | 1.062.665.487 |
| Tiền lương | 888.347.824 | 916.915.487 |
| Tiền thưởng | 12.000.000 | 7.000.000 |
| Thù lao | 195.000.000 | 138.750.000 |
| Ban kiểm soát | 166.000.000 | 52.500.000 |
| Lương chuyên trách | 108.000.000 | - |
| Thù lao | 52.500.000 | 52.500.000 |
| Tiền thưởng | 5.500.000 | - |
| Kế toán trưởng | 279.252.981 | 212.590.827 |
| Tiền lương | 275.252.981 | 208.041.807 |
| Tiền thưởng | 4.000.000 | 4.549.020 |
| Cộng | <u>1.540.600.805</u> | <u>1.327.756.314</u> |

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh thuốc lá.
- Các lĩnh vực khác: khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vận tải và du lịch.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2017

| | | |
|---|---|--|
|  |  |  |
| Lương Ngọc Liên Người lập biểu | Nguyễn Minh Đức Kế toán trưởng | Trần Vi Đường Tổng Giám đốc |

004
CÓN
TH NH
TOÁP
A
W-T

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực Thương mại | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| Kỳ này | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 784.662.266,775 | 76.555.356,378 | - | 861.217.623,153 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | 14.036.574,158 | (14.036.574,158) | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 784.662.266,775 | 90.591.930,536 | (14.036.574,158) | 861.217.623,153 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 10.127.671,500 | 1.007.174,466 | - | 11.134.845,966 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 11.134.845,966 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 23.636,810 |
| Chi phí tài chính | | | | (10.690.406,152) |
| Thu nhập khác | | | | 3.174.914,667 |
| Chi phí khác | | | | (81.766,582) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (1.222.587,495) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 2.338.637,214 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22.727,273 | 4.742.198,305 | - | 4.764.925,578 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 79.863,637 | 3.255.887,272 | - | 3.335.750,909 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | | | | - |

Đã kiểm tra và đúng / 08/11

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Lĩnh vực Thương mại | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| Kỳ trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 742.344.651.450 | 94.854.813.616 | - | 837.199.465.066 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | 13.139.856.000 | (13.139.856.000) | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 742.344.651.450 | 107.994.669.616 | (13.139.856.000) | 837.199.465.066 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 7.194.438.273 | 3.423.145.507 | - | 10.617.583.780 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 10.617.583.780 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 61.775.667 |
| Chi phí tài chính | | | | (9.713.389.374) |
| Thu nhập khác | | | | 1.092.151.530 |
| Chi phí khác | | | | (115.347.869) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (621.250.769) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 1.321.522.965 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | 13.803.456.631 | - | 13.803.456.631 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 56.927.273 | 3.169.365.740 | - | 3.226.293.013 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | 1.458.000.000 | - | - | 1.458.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực Thương mại | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|------------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 161.514.615.241 | 59.831.469.227 | - | 221.346.084.468 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | 1.903.673.555 |
| Tổng tài sản | 101.419.392.210 | 95.969.770.702 | - | 197.389.162.912 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | - | - | - | - |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | 207.186.265 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | 197.596.349.177 |
| Tổng nợ phải trả | 154.201.717.831 | 52.115.120.921 | - | 206.316.838.752 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | - | - | - | - |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | 1.903.673.555 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | 208.220.512.307 |
| Tổng tài sản | 77.751.592.447 | 106.761.886.963 | - | 184.513.479.410 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | - | - | - | - |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | 392.261.265 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | 184.905.740.075 |
| Tổng nợ phải trả | - | - | - | 577.167.005.340 |



Lương Ngọc Liên
Người lập





Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng

Trần Vũ Đường
Tổng Giám đốc

